FireAnt

CTCP Cao su Thống Nhất (HSX: TNC)

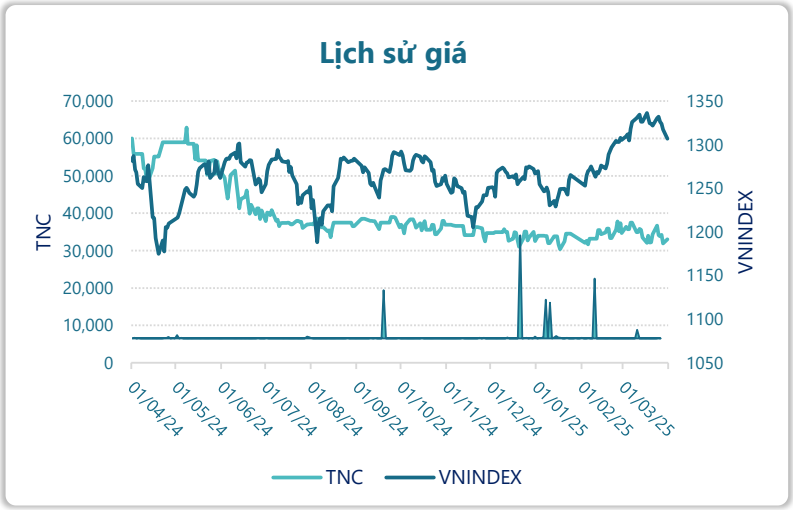

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**33,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,901
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	30,350
SL cổ phiếu LH	19,250,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,725
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	636
P/E	14.5
EPS	2,284

DT thuần

Q1/25

33.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.30| -21.7%

YoY: ▼6.20| -15.6%

LN sau thuế

Q1/25

6.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.01| -46.3%

YoY: ▲ 2.92| 71.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

32.4%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

2024

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0| 10.5%

LN sau thuế

2024

40.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.60| 23.1%

ROE

2024

12.0%

+/- YoY: ▲ 2.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

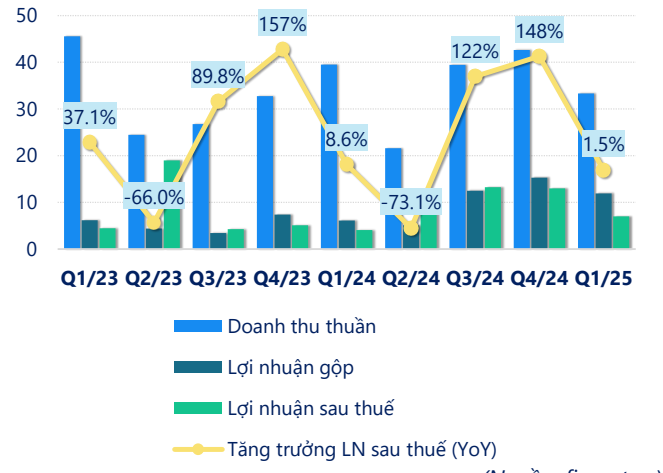

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

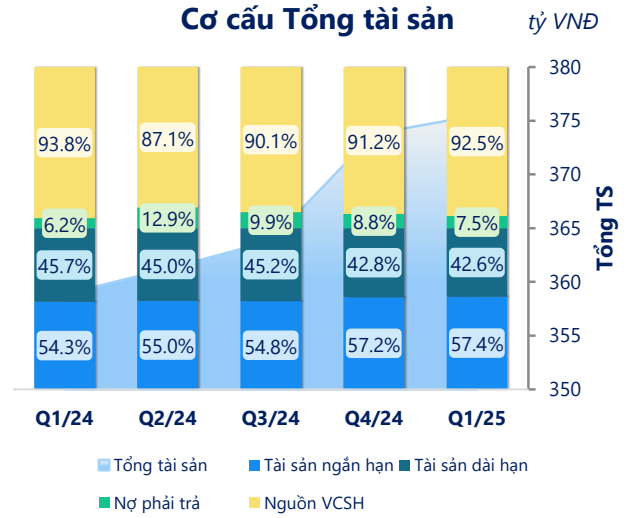

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

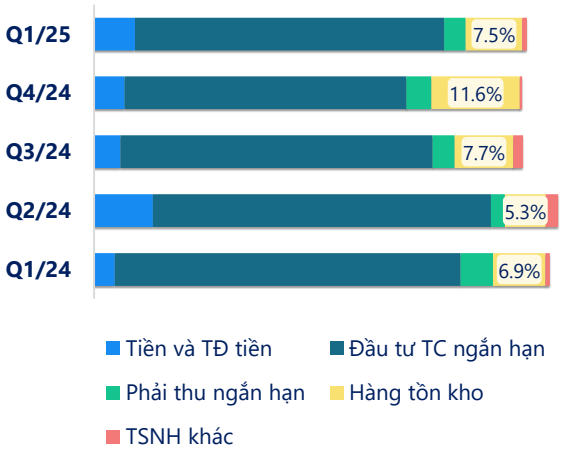

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

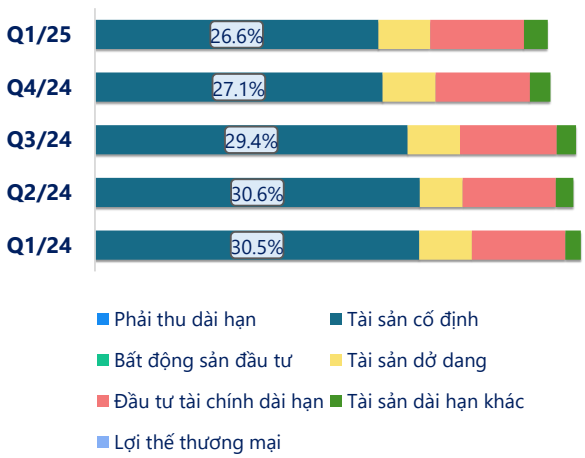

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

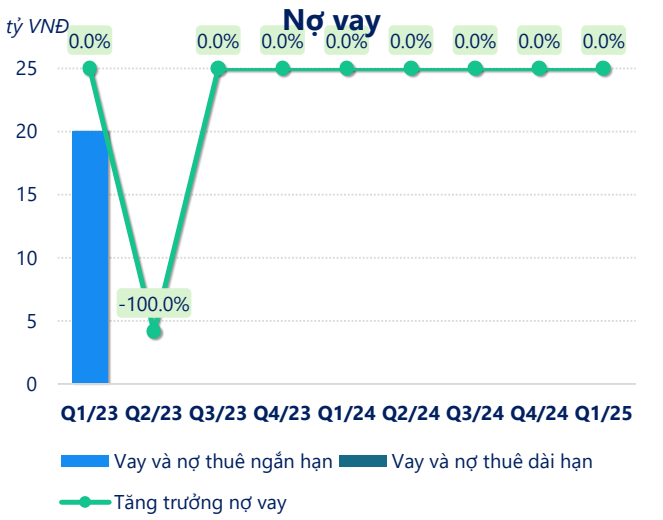

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

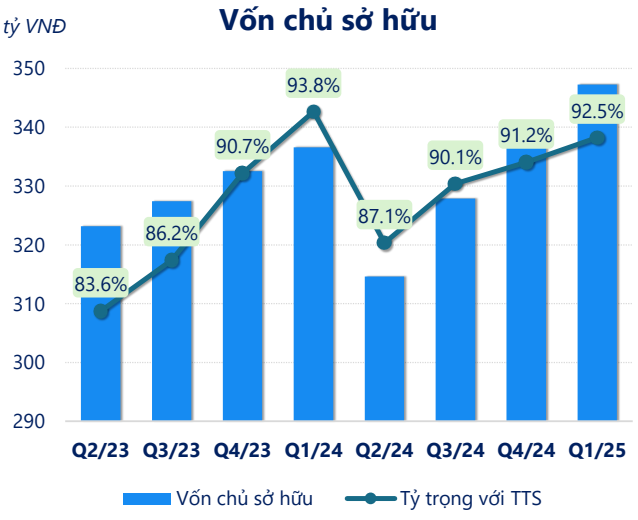

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

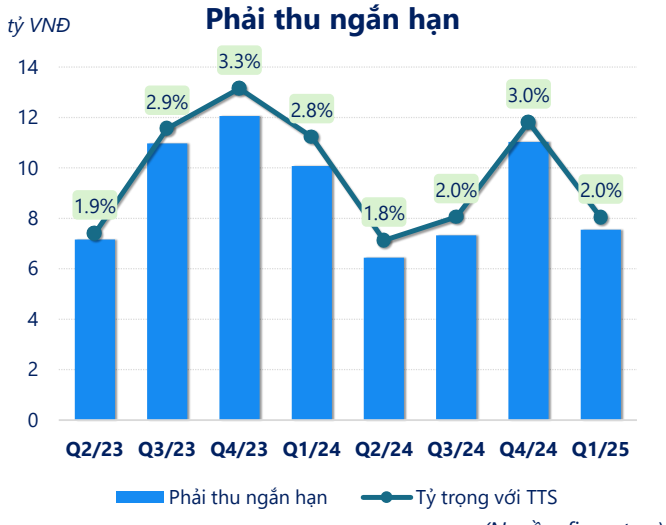

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

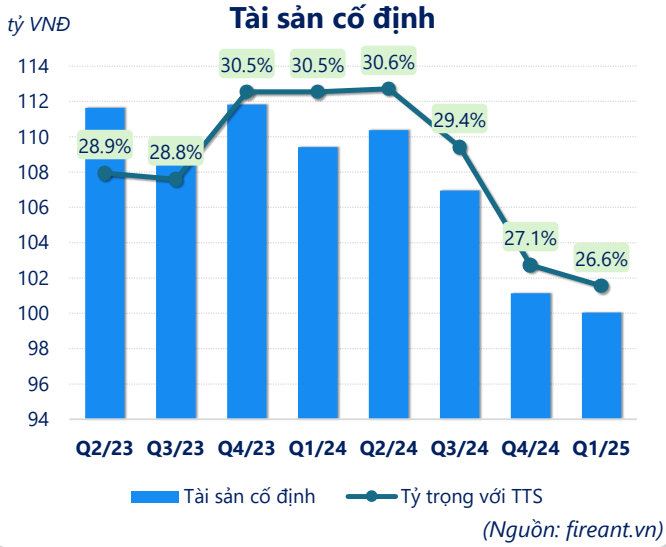

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

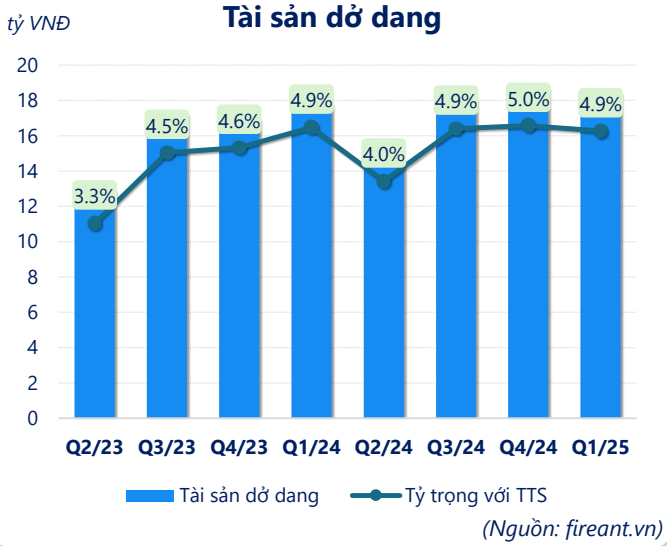

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

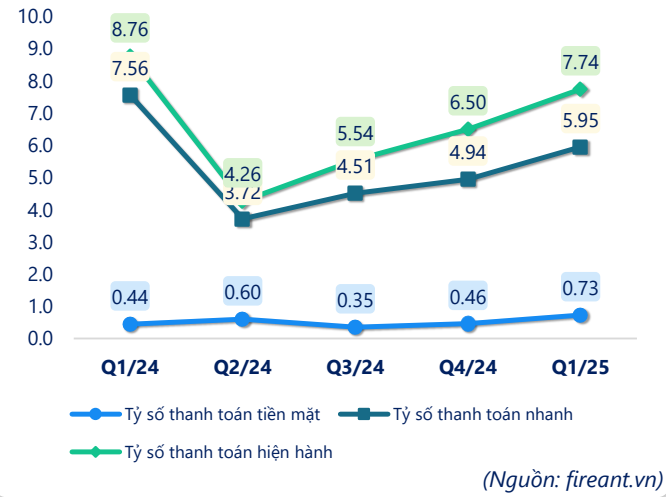

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

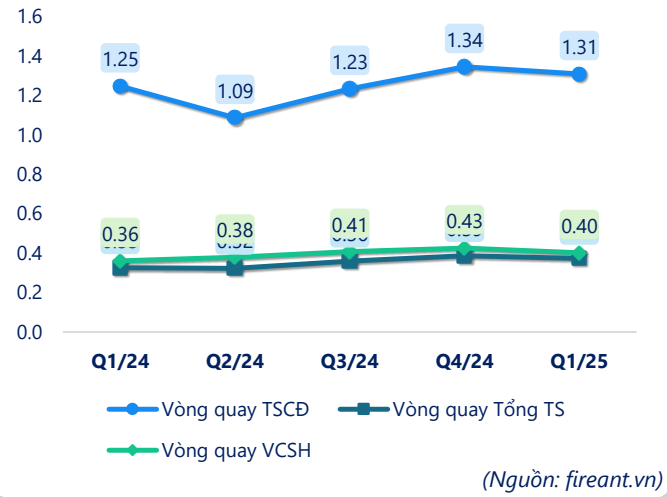

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**359**	**361**	**364**	**374**	**376**
Tài sản ngắn hạn	**195**	**199**	**199**	**214**	**216**
Tiền và tương đương tiền	9.80	27.9	12.6	15.1	20.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	146	131	136	136	136
Phải thu ngắn hạn	10.1	6.44	7.33	11.0	7.55
Hàng tồn kho	26.8	25.5	37.3	51.3	50.0
Tài sản ngắn hạn khác	2.22	7.85	5.80	0.18	1.75
Tài sản dài hạn	**164**	**163**	**165**	**160**	**160**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	109	110	107	101	100
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	17.7	14.5	17.9	18.6	18.3
Đầu tư tài chính dài hạn	31.6	31.6	33.1	33.1	33.1
Tài sản dài hạn khác	5.14	5.99	6.64	7.30	8.38
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**22.2**	**46.6**	**35.9**	**32.9**	**28.2**
Nợ ngắn hạn	**22.2**	**46.6**	**35.9**	**32.9**	**27.9**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.79	1.27	3.42	3.01	3.62
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0.39
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**337**	**315**	**328**	**341**	**347**
Vốn chủ sở hữu	**337**	**315**	**328**	**341**	**347**
Vốn điều lệ	193	193	193	193	193
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)